TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 6 - 2024
V/v "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Trần Văn Hân Em.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt.

2. Ông Huỳnh Văn Tý.

***- Thư ký phiên toà*:** bà Đặng Huỳnh Hoa Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/02/2024 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/5/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Hà Thị D, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: khóm T, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: ông Phan Thành T, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: khóm T, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, Tờ tự khai ngày 26/4/2024, Biên bản lấy lời khai ngày 02/5/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Hà Thị D trình bày: bà Hà Thị D (sau đây gọi là bà D) và ông Phan Thành T (sau đây gọi là ông T) tiến đến hôn nhân vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới và có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã A, huyện C, tỉnh An Giang ngày 20/10/2003. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 01 con chung tên Phan Thành M, sinh năm 2002. Tuy nhiên, đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không phù hợp tánh tình, từ đó vợ chồng hay cãi vã nhau. Mặc dù được gia đình hai bên hòa giải nhưng vợ chồng vẫn sống ly thân từ tháng 9 năm 2020 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên bà D yêu cầu ly hôn với ông T; về con chung, cháu Phan Thành M đã trưởng thành, tự lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn ông Phan Thành T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên vi phạm Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 8, 9, 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hà Thị D.

+ Về hôn nhân: bà Hà Thị D được ly hôn với ông Phan Thành T.

+ Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: bà D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: theo đơn khởi kiện, bà D yêu cầu ly hôn với ông T. Vì vậy, quan hệ tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn", theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông T có nơi cư trú tại thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Phan Thành T đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập ông T đều vắng mặt, không lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà D và ông T tiến đến hôn nhân từ năm 2000, có đăng ký kết hôn và được UBND xã A, huyện C, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 120, ngày 20/10/2003. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà D và ông T phù hợp với quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà D thấy rằng, bà D và ông T sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mặc dù được gia đình hai bên động viên, hòa giải nhưng không có kết quả, từ đó quan hệ hôn nhân không còn hạnh phúc.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần tống đạt hợp lệ thông báo hòa giải cho ông T, nhằm tạo điều kiện cho ông và bà D hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T đều vắng mặt, không có lý do.

[4] Từ những nhận định tại mục [3], xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018 và đã sống ly thân, bỏ mặc nhau từ tháng 9 năm 2020 cho đến nay. Tại phiên tòa, bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T, vì cho rằng giữa 02 người không còn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông T mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D.

[5] Về quan hệ con chung: bà D và ông T có 01 con chung tên Phan Thành M, sinh năm 2002 (đã trưởng thành) nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà D yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 8, 9, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị D.

1.1. Về hôn nhân: bà Hà Thị D được ly hôn với ông Phan Thành T.

1.2. Về con chung: bà Hà Thị D và ông Phan Thành T có 01 con chung tên Phan Thành M, sinh năm 2002 (đã trưởng thành).

1.3. Về tài sản chung: không có.

1.4. Về nợ chung: ghi nhận bà D xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà Hà Thị D và ông Phan Thành T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Hà Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013612 ngày 21/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (bà D đã nộp đủ).

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang (để biết);
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hân Em